TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-ST
Ngày: 16-7-2019
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng;

2. Bà Nguyễn Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp HQ, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1976;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn:

Ông Lê Văn M, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp HH, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện bỏ địa phương, không rõ địa chỉ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qúa trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ngày 24-01-2017, Ông C có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị U, ông Lê Văn M, vay số tiền 66.000.000 đồng để làm vườn. Khi vay, hai bên có làm Hợp đồng vay tài sản, được Văn phòng công chứng Châu Thành chứng thực. Thời hạn vay một tháng. Lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng (thỏa thuận bằng lời nói). Sau đó, ông M, bà U chưa trả vốn, lãi cho Ông C và đi khỏi địa phương không rõ tung tích. Ông C đã thực hiện thủ tục đăng tin tìm kiếm ông M, bà U, tuy nhiên, ông M, bà U không về để giải quyết khoản nợ đối với Ông C.

Nay Ông C yêu cầu ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị U liên đới trả cho Ông C tiền vốn 66.000.000 đồng, và tiền lãi theo lãi suất quy định của pháp luật từ ngày vay (24-01-2017) đến ngày xét xử (16-7-2019), tính tròn 15.312.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 81.321.000 đồng.

Qúa trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn M không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người liên quan không chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M, tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, ông Lê Văn C đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn, người liên quan. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự,Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn C: Yêu cầu bà U, ông M liên đới trả số tiền 81.321.000 đồng (trong đó vốn 66.000.000 đồng, và lãi 15.312.000 đồng.).

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng vay tài sản giữa ông Lê Văn C với ôngLê Văn M và bà Nguyễn Thị U, được Văn phòng công chứng Châu Thành chứng thực ngày 24-01-2017, có căn cứ xác định ông M, bà U có thỏa thuận vay của Ông C số tiền 66.000.000 đồng. Về thời hạn vay thể hiện trong hợp đồng là một tháng; lãi suất theo Ông C trình bày là 5%/tháng. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay, ông M, bà U không trả lãi và chưa trả vốn cho Ông C và cố tình bỏ đi khỏi địa phương trốn tránh việc trả nợ. Ông C đã thực hiện thủ tục đăng tin tìm kiếm ông M, bà U về Tòa án để giải quyết khoản nợ trên, nhưng ông M, bà U không về. Do đó, căn cứ tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn Ông C, thì ông M và bà U phải chịu trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Hợp đồng vay tài sản:

"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định."

Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này."

Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Lãi suất

"1. Lãi suất do các bên tự thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

[3.3] Căn cứ quy định pháp luật trên, việc Ông C yêu cầu ông M, bà U liên đới trả tiền vốn và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ thời điểm vay đến ngày xét xử tổng cộng 81.321.000 đồng, là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên*;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468, Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Lê Văn M phải liên đới trả cho ông Lê Văn C số tiền 81.321.000 đồng (Tám mươi mốt triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị U và ông Lê Văn M phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.066.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.100.000 đồng, theo biên lai số 12072 ngày 25-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự, niêm yết (06 bản);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành (01 bản);
- Tòa án Tỉnh (01 bản);
- Chi cục Thi hành án Huyện (01 bản);
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (04 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Kiều Kim Xuân